

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOA LƯ'
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HS-ST

Ngày 20-7-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOA LƯ', TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Luận

Ông Nguyễn Văn Khuyến

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hà Anh Tuấn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Xuân Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 20/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 21/2023/TLST-HS ngày 13/6/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 22/2023/QĐXXST- HS ngày 05/7/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1983, tại tỉnh N B; nơi cư trú: phố T N, thị trấn T T, huyện H L, tỉnh N B; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Vũ Thị T; có chồng là Vũ Tuấn A và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2023); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- **Bị hại:** Chị Vũ Thanh N, sinh năm 1973, trú tại: phố K B, phường N K, thành phố N B, tỉnh N B, có mặt.

- **Người làm chứng:**

1. Anh Bùi Hoàng M, vắng mặt.
2. Ông Bùi Văn H, vắng mặt.
3. Anh Đinh Thuỳ D, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị B và chị Vũ Thanh N là bạn bè quen biết nhau từ trước, thường cùng nhau đầu tư bất động sản và đã một vài lần giao dịch thành công, chia nhau lãi. Do đầu tư vào chứng khoán bị thua lỗ nên tháng 2/2022, B đưa ra các thông tin về bất động sản rồi rủ chị N chung nhau đặt cọc tiền mua đất mục đích chiếm đoạt tiền của chị N để tiếp tục đầu tư vào chứng khoán. Từ tháng 2/2022 đến tháng 9/2022, B đã nhiều lần đưa ra thông tin bất động sản rồi bảo chị N chuyển tiền đặt cọc. Sau đó, B tự viết vào hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng nhà, đất (theo mẫu in sẵn) và tự ký vào mục bên bán, mục người làm chứng rồi đưa bản chính viết bằng bút bi mực màu xanh cho chị N cầm. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 23/02/2022, Nguyễn Thị B đưa ra thông tin là ông Đinh Thuỳ D, có một thửa đất diện tích 215 m² (lô đất số 60, tờ bản đồ số 44) bán với giá 600.000.000 đồng rồi rủ chị N mua chung để đầu tư, đặt cọc mỗi người 100.000.000 đồng. Ngày 22/02/2022, chị N mang số tiền 100.000.000 đồng giao cho tại phố T N, thị trấn T T, huyện H L, tỉnh N B. Sau khi nhận tiền của chị N, hôm sau B giao cho chị N một hợp đồng đặt cọc đất do B tự viết, tự ký vào mục bên bán và người làm chứng.

Sau một thời gian, chị N giới thiệu khách để bán thì B đưa ra nhiều lý do khác nhau để trì hoãn việc bán đất, lúc đầu B nói bìa đất đang chuyển đổi nên không giao dịch được, lúc thì đưa ra lý do chủ nhà bị tai nạn gãy chân, ảnh hưởng sợ não phải điều trị ở bệnh viện H N; rồi chủ nhà đã chết.... Sau đó, B còn đưa ra lý do bố ông Đinh Thuỳ D bị ung thư nên bà O là vợ ông D phải lên viện chăm sóc bố không về ký giấy tờ bàn giao đất lại cho khách mua đất được.

Lần thứ 2: Ngày 12/3/2022, B rủ chị N chung nhau đặt cọc lô đất của ông Bùi Hoàng M, diện tích 250m² tại Y S, Y L, Y T, H B. B nói lô đất này bám đường 12B với giá 630.000.000 đồng, nếu mua thì đặt cọc 210 triệu đồng. Chị N đồng ý và tin tưởng, giao cho B số tiền 105.000.000 đồng tại nhà chị N vào ngày 12/3/2022 (không có giấy biên nhận tiền). Sau khi nhận tiền của chị N, ngày hôm sau B đưa cho chị N một hợp đồng đặt cọc đất do B tự viết, tự ký vào bên bán và người làm chứng. Đến tháng 7/2022, chị N đã dẫn khách đến mua thì phát hiện vị trí đất mua và thông tin trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất B chụp gửi cho chị N không khớp nhau nên không bán được. Khi chị N hỏi lý do thì B nói với chị N để B làm việc lại với chủ đất đền bù thiệt hại về việc không khớp thực địa với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Lần thứ 3: B nói với chị N là có lô đất diện tích 342m² tại xã Y N, huyện L S, tỉnh H B là của em trai ông Bùi Văn H (hiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y T, tỉnh H B), do chính ông H là người giới thiệu bán và rủ chị N chung nhau đặt cọc mua đất. Chị N tin tưởng giao cho B số tiền 215.000.000 đồng tại nhà mình vào ngày 11/4/2022. Khi chị N đến xác định vị trí thửa đất thì thấy không khớp với thông tin trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị N hỏi thì B nói: chủ đất đưa nhầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bìa) khác, còn bìa chính thì chủ đất đang cầm ở Quỹ tín dụng H B, nhưng Giám đốc quỹ tín dụng lại mang bìa đi cầm nhiều nơi để lấy vốn làm ăn, do vậy việc lấy bìa ra là rất khó

khẩn và phải nhờ ông H quan hệ để lấy bìa đất ra. Sau khi chị N chuyển tiền cho B thì B đã tiêu xài cá nhân mà không dùng vào việc đặt cọc mua đất như đã thông tin với chị N.

Chị N còn một số lần đưa tiền cho B để lo giấy tờ đất với tổng số tiền là 10.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền chị N đưa cho B để đặt cọc mua đất nhưng B đã sử dụng vào mục đích cá nhân là 430.000.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 26/9/2022, B nói với chị N phải chuyển cho bà O số tiền 150.000.000 đồng để trị xạ ung thư cho bố ông D nhưng chị N không còn tiền. Do mong muốn chủ lô đất sớm về để ký giấy tờ nên khi B bảo chị N vay hộ cho B số tiền 150.000.000 đồng để B chuyển cho bà O, B sẽ có trách nhiệm trả cả gốc và lãi theo lãi suất ngân hàng, sau này khi bán được đất chị em sẽ tính toán sau thì chị N đồng ý. Chị N đã hỏi vay số tiền 150.000.000 đồng của anh Nguyễn Chí K, trú tại phường B Đ, thành phố N B (là cháu con chị gái của N). Cùng ngày 26/9/2022, chị N đã chuyển khoản số tiền trên cho B. Đến ngày 25/7/2022, B bảo chị N vay hộ cho B số tiền 150.000.000 đồng để B nhờ ông H lấy bìa ra, B sẽ có trách nhiệm trả lãi và gốc số tiền vay này. Chị N đã vay tiền của anh Vũ Minh T (là anh trai của chị N), trú tại phố B K, phường N K, thành phố N B và tiếp tục chuyển tiền qua tài khoản cho B số tiền 150.000.000 đồng. B đã trả một phần số tiền lãi (khoảng 5 triệu đồng) và đã trả được 70 triệu đồng tiền gốc cho chị N.

Ngày 30/10/2022, B viết giấy biên nhận đã nhận của chị N số tiền 730 triệu đồng để đặt cọc mua chung 03 lô đất tại tỉnh H B (trong đó có 300 triệu đồng là tiền chị N vay hộ cho B).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H L đã tiến hành xác minh các thông tin Nguyễn Thị B cung cấp cho chị Vũ Thanh N, kết quả:

Ủy ban nhân dân xã T N, huyện L T, tỉnh H B xác định địa phương không có ai tên là Đinh Thuỳ D, sinh năm 1983. Đối với lô đất số 60, tờ bản đồ số 44 mang tên bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1969, trú tại xóm B S, huyện Y T, tỉnh H B (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC870745, vào sổ cấp GCN CS 00067, do Sở tài nguyên môi trường tỉnh H B cấp ngày 28/9/2021). Ngày 07/4/2022, bà D chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hoàng Ph, sinh năm 1979, trú tại khu 8, thị trấn C N, huyện L T, tỉnh H B. Ngoài ra, trong năm 2022, tại Ủy ban nhân dân xã T N, huyện L T không chứng thực việc giao dịch mua bán, chuyển nhượng khác liên quan đến lô đất số 60, tờ bản đồ số 44 nêu trên.

Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Y T, tỉnh H B cung cấp: Qua kiểm tra tờ bản đồ số 06 xã Y L, huyện Y T, xác định xã Y L huyện Y T, tỉnh H B nay đổi tên là thị trấn H T, huyện Y T, tỉnh H B không có thửa đất số 370 (số thứ tự thửa đất tại tờ bản đồ số 06 có số thứ tự cuối cùng là số 88).

Ông Bùi Hoàng M, sinh năm 1976 hiện ở thị trấn H T, huyện Y T, tỉnh H B khẳng định: bản thân ông làm nghề thợ xây từ nhiều năm nay, gia đình khó

khẩn, chưa bao giờ có đất để mua bán, chuyển nhượng cho bất kỳ ai. Bản thân không quen biết B, chưa gặp B bao giờ.

Ông Bùi Văn H - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y T, tỉnh H B khẳng định: không có bất kỳ mối quan hệ nào với Nguyễn Thị B, chưa gặp B bao giờ, không giới thiệu bán đất và cũng không nhận tiền gì của B.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H L đã thu giữ:

- 01 (một) “Hợp đồng đặt cọc V/v chuyển nhượng nhà, đất”, gồm 02 trang được viết trên mẫu in sẵn, đề ngày 23/02/2022, do bà Vũ Thanh N giao nộp.

- 01 (một) “Hợp đồng đặt cọc V/v chuyển nhượng nhà đất”, gồm 02 trang được viết trên mẫu in sẵn, đề ngày 13/3/2022 do bà Vũ Thanh N giao nộp.

- 01 (một) “Hợp đồng đặt cọc V/v chuyển nhượng nhà, đất”, gồm 02 trang được viết trên mẫu in sẵn, đề ngày 12/04/2022, do Nguyễn Thị B giao nộp.

- 01 (một) “tờ giấy vay tiền” có kích thước (25 x 17cm) được viết bằng mực màu xanh, gồm 01 trang có nội dung viết vay nợ và nhận tiền giữa Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị B đề ngày 25/7/2022, do Nguyễn Thị B giao nộp.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Z Flip3 màu xanh rêu, bên trong có gắn 01 thẻ sim mạng Vinaphone dạng nano, số thuê bao: 0944.588.xxx, thu giữ của Nguyễn Thị B.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định các giấy tờ thu giữ của Nguyễn Thị B và giấy tờ, tài liệu do chị Vũ Thị Thanh N giao nộp tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N B, kết quả: Bản kết luận giám định số 209/KL-KTHS-TL ngày 02/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh N B kết luận: “1. Chữ viết phần nội dung và chữ ký, chữ viết, chữ ký mang tên N T B dưới mục “Người làm chứng” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2; các chữ viết “Đinh Thuỳ D” và Bùi Hoàng M” dưới mục “Bên bán” tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị B trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M10 là chữ do cùng một người viết, ký ra”. 2. Chữ ký mang tên Đinh Thuỳ D và Bùi Hoàng M dưới mục “Bên bán” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 không cùng dạng với chữ ký của Nguyễn Thị B trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M10 nên không tiến hành giám định”.

Ngày 03/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H L tiếp tục trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký đối với “Hợp đồng đặt cọc V/v chuyển nhượng nhà, đất” đề ngày 12/4/2022 và 01 (một) “tờ giấy vay tiền” đề ngày 25/7/2022 do Nguyễn Thị B giao nộp.

Tại Bản kết luận giám định số 292/KL-KTHS-TL ngày 19/5/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh N B kết luận: “Chữ viết phần nội dung và chữ ký, chữ viết, chữ ký mang tên Nguyễn Thị B trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2; Chữ ký, chữ viết mang tên Hứa Thị L dưới mục “Người làm chứng” và Hứa Văn H dưới mục “Bên bán” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1; Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Văn H dưới mục “Người nhận” trên tài

liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị B trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 là chữ do cùng một người viết, ký ra”.

Về vật chứng và tài sản tạm giữ: 01 “Hợp đồng đặt cọc V/v chuyển nhượng nhà, đất” đề ngày 23/02/2022 do chị Vũ Thanh N giao nộp; 01 “Hợp đồng đặt cọc V/v chuyển nhượng nhà đất”, đề ngày 13/3/2022 do chị Vũ Thanh N giao nộp; 01 “Hợp đồng đặt cọc V/v chuyển nhượng nhà, đất”, đề ngày 12/04/2022, do Nguyễn Thị B giao nộp; 01 “tờ giấy vay tiền” có kích thước (25x17cm) có nội dung viết vay nợ và nhận tiền giữa Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị B đề ngày 25/7/2022 do Nguyễn Thị B giao nộp được chuyển theo hồ sơ vụ án. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Z Flip3, có gắn 01 thẻ sim mạng Vinaphone dạng nano, số thuê bao 0944.588.xxx, thu giữ của Nguyễn Thị B được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện H L quản lý.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 15/4/2023, Bình đã trả cho chị N số tiền 20.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại. Chị N yêu cầu bị cáo B phải trả tiếp số tiền chiếm đoạt còn lại là 410.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 24/CT-VKSHL ngày 12/06/2023, Viện Kiểm sát nhân dân huyện H L truy tố bị cáo về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự (BLHS). Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS xử phạt bị cáo từ 9 đến 11 năm tù. Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự (BLTTHS), điểm a khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của BLHS, tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động thu giữ của bị cáo; buộc bị cáo phải trả cho chị B số tiền 410 triệu đồng. Áp dụng Điều 136 của BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi nêu trên, không tranh luận với luận tội của Viện Kiểm sát. Bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tội danh: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện: Nguyễn Thị B đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách đưa ra những thông tin không có thật về bất động sản rồi rủ chị Vũ Thanh N chung nhau đặt cọc tiền mua đất sau đó chiếm đoạt để sử dụng cá nhân. Trong khoảng thời gian từ tháng 2 đến tháng 7 năm 2022, bằng thủ đoạn trên B đã 03 lần chiếm đoạt của chị N với tổng số tiền là 430.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của BLHS.

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2.....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng

... ”

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bì không có tiền án, tiền sự. Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi phạm tội bị cáo B đang có thai; bị cáo đã trả cho chị N số tiền 20.000.000 đồng, bồi thường được một phần không đáng kể cho bị hại; được Ủy ban nhân dân tỉnh N B tặng Bằng khen trong phong trào hiến máu tình nguyện. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét áp dụng đối với bị cáo khi quyết định hình phạt.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo nhận thức được việc đưa ra các thông tin gian dối về việc chung nhau đặt cọc mua đất làm cho chị B tin tưởng và giao tiền cho bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện nhiều lần. Khi chị N nghi ngờ, bị cáo tiếp tục đưa ra những thông tin không có thật thuyết phục chị N đưa cho B số tiền lớn là 430 triệu đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương, thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo.

[4] Về hình phạt đối với bị cáo: Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, căn cứ nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, cần buộc bị cáo phải chịu mức hình phạt tù tương xứng để cải tạo, giáo dục bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: 01 chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo là công cụ dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo chiếm đoạt của chị N số tiền 430 triệu đồng, đã trả lại 20 triệu đồng nên cần buộc bị cáo phải trả lại cho chị 410 triệu đồng.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H L, điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện H L, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Các vấn đề khác: chị N đã vay tiền từ anh K và ông sau đó cho B vay lại với số tiền 300 triệu đồng là giao dịch dân sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H L không xem xét xử lý hình sự đối với bị cáo về số tiền này là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 106 của BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của BLHS, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Samsung Z Flip3 thu giữ của bị cáo;

Buộc bị cáo phải trả cho chị N số tiền 410.000.000 đ (bốn trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

(Chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoa Lư theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/6/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hoa Lư và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoa Lư).

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo nộp 200.000 đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ

thẩm và 20.400.000 đ (hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Hoa Lư;
- Công an huyện Hoa Lư;
- THADS huyện Hoa Lư;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Kim Oanh